

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trí

2. Ông Hà Minh Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hứa Ngọc T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị C, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1985 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp H, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp H, xã T, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 3 năm 2025, đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 12 tháng 6 năm 2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Hứa Ngọc T trình bày và yêu cầu như sau:*

Anh và chị Trần Thị C chung sống với nhau vào năm 2005 đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống, anh và chị Trần Thị C có được 02

người con chung tên: Hứa Trường D, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2005 và Hứa Hoàng C1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2009 hiện nay người con chung tên Hứa Hoàng C1 chung sống với anh, người con chung tên: Hứa Trường D hiện nay đã trưởng thành; về tài sản chung và nợ, anh và chị Trần Thị C không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị. Quá trình chung sống, anh và chị Trần Thị C chung sống đã nảy sinh mâu thuẫn, vì anh chị không hợp nhau nên thường xảy ra cự cãi bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã cố gắng dàn xếp để chung sống cùng nhau nuôi dạy các con nhưng đến nay vẫn không dung hòa với nhau được, anh và chị Trần Thị C sống ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2024 cho đến nay, anh và chị Trần Thị C không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân, anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị C. Về quan hệ con chung, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Hứa Hoàng C1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2009 theo nguyện vọng của con, anh không yêu cầu chị Trần Thị C cấp dưỡng nuôi con; người con chung tên Hứa Trường D đã thành niên anh không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, anh cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

** Tại đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 16 tháng 7 năm 2025 và trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Trần Thị C trình bày như sau:*

Về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn, con chung như anh Hứa Ngọc T trình bày trên là đúng. Chị và anh Hứa Ngọc T chung sống với nhau năm 2005, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, thời gian chung sống chị và anh Hứa Ngọc T có 02 người con chung tên: Hứa Trường D, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2005 và Hứa Hoàng C1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2009 hiện nay chung sống với anh Hứa Ngọc T; về tài sản chung và nợ, chị và anh Hứa Ngọc T không có tài sản chung và không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị. Thời gian chung sống anh chị thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, sống không hạnh phúc, chị và anh Hứa Ngọc T đã ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay và chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Hứa Ngọc T, chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Hứa Ngọc T. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị giao người con chung tên Hứa Hoàng C1 cho anh Hứa Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; người con chung tên Hứa Trường D hiện nay đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, không có, chị cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Tại văn bản trình bày nguyện vọng ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Hứa Hoàng C1 như sau:*

Hứa Hoàng C1 là con của anh Hứa Ngọc T và chị Trần Thị C, từ khi cha mẹ không chung sống với nhau thì Hứa Hoàng C1 sống chung với cha là anh Hứa Ngọc T. Nếu cha mẹ của Hứa Hoàng C1 ly hôn, Hứa Hoàng C1 có nguyện vọng sống chung với cha là anh Hứa Ngọc T. Hứa Hoàng C1 cam kết lời trình bày của Hứa Hoàng C1 là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về trình bày của mình.

** Tại Biên bản xác minh ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang) về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Chị Trần Thị C và anh Hứa Ngọc T xác lập hôn nhân và sinh sống tại ấp H, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp H, xã T, tỉnh An Giang), quá trình chung sống kinh tế gia đình khó khăn nên anh chị thường hay cự cãi với nhau.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Căn cước công dân tên Hứa Ngọc T và căn cước tên Trần Thị C (Bản sao); Đơn xin xác nhận chưa đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 5 năm 2025 của anh Hứa Ngọc T (Bản chính); 02 Giấy khai sinh tên Hứa Trường D, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2005, Hứa Hoàng C1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2009 và căn cước tên Hứa Hoàng C1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2009 (Bản phô tô); Xác nhận thông tin về cư trú số: 000126/XN ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Công an xã N, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); Văn bản trình bày nguyện vọng ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Hứa Hoàng C1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2009 (Bản chính).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn anh Hứa Ngọc T yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị C. Về quan hệ con chung, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Hứa Hoàng C1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2009 theo nguyện vọng của con, anh không yêu cầu chị Trần Thị C cấp dưỡng nuôi con; người con chung tên Hứa Trường D đã thành niên anh không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, anh cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Trần Thị C gửi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự. Bị

đơn chị Trần Thị C gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của anh Hứa Ngọc T yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị C và nuôi con nhưng anh chị chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Hứa Ngọc T và chị Trần Thị C là vợ chồng. Về quan hệ con chung, anh chị thống nhất giao người con chung tên Hứa Hoàng C1 cho anh Hứa Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng đề nghị ghi nhận, người con chung của anh chị tên Hứa Trường D, hiện nay đã thành niên, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ, anh Hứa Ngọc T và chị Trần Thị C tự xác định, anh chị không có tài sản chung và nợ, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Hứa Ngọc T yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Trần Thị C và nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp H, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp H, xã T, tỉnh An Giang) nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, các đương sự tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị Trần Thị C thì chị Trần Thị C gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay anh Hứa Ngọc T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị C theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, anh Hứa Ngọc T và chị Trần Thị C chung sống với nhau vào năm 2005, đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi anh chị cư trú*) là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Hứa Ngọc T và chị Trần Thị C đều đồng ý ly hôn, nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Hứa Ngọc T và chị Trần Thị C là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, anh Hứa Ngọc T và chị Trần Thị C có 02 người con chung tên: Hứa Trường D, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2005 và Hứa Hoàng C1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2009, sống chung với anh Hứa Ngọc T từ khi anh chị ly thân đến nay. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao người con chung tên Hứa Hoàng C1 cho anh Hứa Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng con chung của anh chị, người con chung tên Hứa Trường D nay đã thành niên anh chị không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, ghi nhận sự tự thỏa thuận của anh Hứa Ngọc T, chị Trần Thị C và nguyện vọng con chung của anh chị, giao người con chung của anh chị tên Hứa Hoàng C1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2009 cho anh Hứa Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; người con chung của anh chị tên: Hứa Trường D, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2005 hiện nay đã thành niên, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Hứa Ngọc T không yêu cầu chị Trần Thị C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, anh Hứa Ngọc T và chị Trần Thị C thống nhất tự xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Hứa Ngọc T và chị Trần Thị C là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của anh Hứa Ngọc T, chị Trần Thị C và nguyện vọng con chung của anh chị, giao người con chung của anh chị tên: Hứa Hoàng C1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2009 cho anh Hứa Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị, hiện nay đang chung sống với anh Hứa Ngọc T; người con chung của anh chị tên: Hứa Trường D, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2005 hiện nay đã thành niên, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hứa Ngọc T không yêu cầu chị Trần Thị C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Anh Hứa Ngọc T và chị Trần Thị C thống nhất tự xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc anh Hứa Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0011963 ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh An Giang). Anh Hứa Ngọc T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 18/7/2025. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo